

ĐỀ THI TỰ LUẬN

Môn thi: Tâm Lí Học

Thời gian làm bài: 120 phút

(Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu)

PHÂN BỐ CẤP ĐỘ BLOOM:

- Đoạn văn 1: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 2: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 3: Cấp độ 2 - Hiểu
- Đoạn văn 4: Cấp độ 3 - Áp dụng
- Đoạn văn 5: Cấp độ 4 - Phân tích
- Đoạn văn 6: Cấp độ 5 - Đánh giá
- Đoạn văn 7: Cấp độ 6 - Sáng tạo

CÂU HỎI VÀ CÂU TRẢ LỜI:

Cấp độ 1 - Nhớ

Câu 1: Trình bày định nghĩa của tâm lý và tâm lý học? **(1.0 điểm)**

Trả lời:

“Tâm lý bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành, điều chỉnh mọi hành vi, hành động, hoạt động của con người. Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người gọi là tâm lý học.”

Trích từ đoạn: “1. Tâm lý và tâm lý học: Tâm lý bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành, điều chỉnh mọi hành vi, hành động, hoạt động của con người. Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người gọi là tâm lý học.”

Cấp độ 2 - Hiểu

Câu 2: Giải thích khái niệm "phản ánh tâm lý" trong tâm lý học và nêu rõ sự khác biệt giữa phản ánh tâm lý và phản ánh cơ học. **(1.5 điểm)**

Trả lời:

"Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lý tạo ra “hình ảnh tâm lý” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lý là kết quả của quá

trình phản ánh TG khách quan vào não bộ. Song hình ảnh tâm lí khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật ở chỗ: * Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo. VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lí thông qua “lăng kính chủ quan” của mình."

Sự khác biệt giữa phản ánh tâm lí và phản ánh cơ học được thể hiện qua các đặc điểm sau: "Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo" trong khi "hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”." Hơn nữa, "Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể," điều này cho thấy phản ánh tâm lí có tính chủ quan, khác với phản ánh cơ học.

Trích từ đoạn: “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lí là kết quả của quá trình phản ánh TG khách quan vào não bộ. Song hình ảnh tâm lí khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật ở chỗ: * Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo. VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lí thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.”

Cấp độ 3 - Áp dụng

Câu 3: Giải thích: Tại sao hình ảnh tâm lý của con người lại mang tính chủ thể và phụ thuộc vào lăng kính chủ quan của mỗi cá nhân? Hãy minh họa điều này bằng một ví dụ thực tế từ cuộc sống hàng ngày. (2.0 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý của con người lại mang tính chủ thể và phụ thuộc vào lăng kính chủ quan của mỗi cá nhân vì con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.” và “Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.”

Ví dụ thực tế từ cuộc sống hàng ngày có thể là việc một nhóm bạn cùng đi xem một bộ phim. Mặc dù tất cả đều xem cùng một bộ phim (cùng một hiện thực KQ), nhưng mỗi

người trong nhóm có thể có những cảm nhận và đánh giá khác nhau về bộ phim đó. Một người có thể cảm thấy bộ phim rất cảm động và sâu sắc, trong khi người khác lại thấy nó nhàm chán và không có ý nghĩa. Điều này cho thấy rằng hình ảnh tâm lý của mỗi cá nhân về bộ phim phụ thuộc vào lăng kính chủ quan của họ, bao gồm kinh nghiệm sống, tâm trạng, và sở thích cá nhân.

Cấp độ 4 - Phân tích

Câu 4: Phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố xã hội và sự hình thành tính cách của con người. Bạn có thể chỉ ra những mối quan hệ xã hội nào là quan trọng nhất trong quá trình phát triển tính cách không? (2.0 điểm)

Trả lời:

Mối quan hệ giữa các yếu tố xã hội và sự hình thành tính cách của con người được thể hiện rõ trong đoạn văn. Theo đó, tính cách (TL người) có nguồn gốc từ các yếu tố xã hội, trong đó "nguồn gốc XH là cái quyết định." Điều này cho thấy rằng các mối quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tính cách của mỗi cá nhân.

Các mối quan hệ xã hội quan trọng trong quá trình phát triển tính cách bao gồm: "quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng." Những mối quan hệ này tạo nên sự tổng hòa các yếu tố xã hội, từ đó hình thành bản chất của con người.

Ngoài ra, đoạn văn cũng nhấn mạnh rằng "TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXX thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo." Điều này cho thấy rằng giáo dục và giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội cũng là yếu tố quyết định trong việc hình thành và phát triển tính cách.

Kết luận, các yếu tố xã hội, đặc biệt là các mối quan hệ gia đình, cộng đồng và giáo dục, có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành tính cách của con người. Trích từ đoạn: "TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hòa các mối quan hệ XH đó."

Cấp độ 5 - Đánh giá

Câu 5: Phân tích và đánh giá các loại quá trình tâm lý được nêu trong đoạn văn. Bạn có thể cho biết sự khác biệt giữa quá trình nhận thức, xúc cảm và ý chí trong việc hình thành nhân cách và hành vi của con người? (2.0 điểm)

Trả lời:

Phân tích và đánh giá các loại quá trình tâm lý được nêu trong đoạn văn, chúng ta có thể thấy rằng mỗi loại quá trình tâm lý đều có vai trò và ảnh hưởng khác nhau đến việc hình thành nhân cách và hành vi của con người.

1. Quá trình nhận thức: "Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng." Quá trình này là cơ sở để con người hiểu biết về thế giới xung quanh, từ đó hình thành những kiến thức và quan điểm. Nhận thức đóng vai trò quan trọng trong việc định hình cách mà con người tương tác với môi trường và đưa ra quyết định. Nếu nhận thức không chính xác, có thể dẫn đến những hành vi sai lầm.
2. Quá trình xúc cảm: "Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng." Quá trình này liên quan đến cảm xúc và thái độ của con người đối với các sự vật, hiện tượng. Xúc cảm có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi, vì nó quyết định cách mà con người phản ứng với các tình huống khác nhau. Một người có cảm xúc tích cực sẽ có xu hướng hành động tích cực hơn.
3. Quá trình ý chí: "Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra." Quá trình này liên quan đến khả năng tự kiểm soát và quyết tâm của con người trong việc theo đuổi mục tiêu. Ý chí mạnh mẽ có thể giúp con người vượt qua khó khăn và thử thách, từ đó hình thành những thói quen và hành vi tích cực.

Sự khác biệt giữa ba quá trình này:

- Quá trình nhận thức tập trung vào việc hiểu biết và nhận diện, trong khi quá trình xúc cảm liên quan đến cảm xúc và thái độ.
- Quá trình ý chí lại nhấn mạnh đến khả năng tự quyết định và hành động để đạt được mục tiêu.
- Nhận thức là nền tảng cho xúc cảm, và xúc cảm có thể thúc đẩy hoặc cản trở ý chí. Tất cả ba quá trình này tương tác với nhau để hình thành nhân cách và hành vi của con người, nhưng mỗi quá trình lại có những đặc điểm và vai trò riêng biệt trong việc định hình cách mà con người phản ứng và tương tác với thế giới xung quanh.

Trích từ đoạn: "Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra."

Cấp độ 6 - Sáng tạo

Câu 6: Lập kế hoạch nghiên cứu: Bạn hãy đề xuất một kế hoạch nghiên cứu tâm lý sử dụng phương pháp thực nghiệm. Hãy chỉ ra các bước cụ thể bạn sẽ thực hiện để không chế điều kiện và đo lường các biến số. **(1.5 điểm)**

Trả lời:

Kế hoạch nghiên cứu tâm lý sử dụng phương pháp thực nghiệm có thể được lập như sau:

1. Xác định mục tiêu nghiên cứu: Đầu tiên, cần xác định rõ mục tiêu của nghiên cứu, ví dụ như tìm hiểu mối quan hệ giữa stress và hiệu suất làm việc.
2. Lựa chọn đối tượng nghiên cứu: Chọn một nhóm đối tượng cụ thể, ví dụ như sinh viên đại học hoặc nhân viên văn phòng.
3. Thiết kế thực nghiệm:
 - Khống chế điều kiện: Tạo ra một môi trường phòng thí nghiệm nơi các yếu tố bên ngoài được kiểm soát. Ví dụ, đảm bảo rằng tất cả các đối tượng tham gia đều làm bài kiểm tra trong cùng một điều kiện ánh sáng, âm thanh và thời gian.
 - Tác động vào đối tượng: Sử dụng các bài tập hoặc tình huống gây stress (như bài kiểm tra thời gian) để tác động vào đối tượng.
4. Đo lường các biến số:
 - Biến độc lập: Mức độ stress được tạo ra từ các bài tập.
 - Biến phụ thuộc: Hiệu suất làm việc của đối tượng, có thể đo lường qua số điểm đạt được trong bài kiểm tra hoặc thời gian hoàn thành nhiệm vụ.
5. Tiến hành thực nghiệm: Thực hiện các bài kiểm tra với các đối tượng đã chọn, ghi lại kết quả và các phản ứng của họ.
6. Phân tích dữ liệu: Sử dụng các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu thu thập được, nhằm xác định mối quan hệ giữa stress và hiệu suất làm việc.
7. Rút ra kết luận: Dựa trên kết quả phân tích, đưa ra các kết luận về mối quan hệ giữa các biến số đã nghiên cứu.

Trích từ đoạn: “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”